

Số: *MM* /KH-ĐHHV

*Phú Thọ, ngày 06 tháng 10 năm 2021*

## KẾ HOẠCH

### **Hoạt động Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025, và định hướng đến năm 2030**

Giai đoạn 2021-2025 hoạt động KH&CN của Nhà trường có một số thuận lợi đó là: Từ trung ương đến địa phương đã quan tâm đến các hệ thống văn bản, cơ chế chính sách để khuyến khích nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phù hợp cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018 theo hướng tăng cường cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học; Nhiều chính sách ưu tiên phát triển các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Mối quan hệ giữa Nhà trường với Bộ KH&CN, Sở KH&CN các tỉnh, các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp để phối hợp thực hiện các hoạt động KH&CN được tăng cường và đi vào chiều sâu; Các đề tài/dự án các cấp bước đầu đã theo định hướng KH&CN của Nhà trường và địa phương; Đội ngũ làm khoa học của Nhà trường được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, và ngày càng trưởng thành. Bên cạnh đó hoạt động KH&CN còn một số khó khăn, thách thức sau: Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu còn chưa đáp ứng được yêu cầu; Kinh phí dành cho KH&CN còn hạn chế; Một bộ phận giảng viên chưa coi trọng hoạt động nghiên cứu khoa học; Ngoài ra, sự phức tạp của thiên tai, dịch bệnh cũng ảnh hưởng lớn đến các hoạt động KH&CN.

#### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;
- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;
- Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025;
- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

- Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo Trường Đại học Hùng Vương giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1240/QĐ-ĐHHV ngày 25/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Trường Đại học Hùng Vương;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Hùng Vương lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 58-NQ/ĐU ngày 02/6/2021 của Đảng ủy Trường Đại học Hùng Vương về việc nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ tình hình thực tiễn hoạt động KH&CN trong những năm vừa qua và tiềm lực KH&CN của Trường Đại học Hùng Vương.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG**

Hoạt động KH&CN góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu Nhà trường, đồng thời tăng cường các nguồn thu để mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động, nâng cao năng lực đội ngũ và nâng cao thu nhập của giảng viên. Khuyến khích các hoạt động NCKH có công bố khoa học nhằm nâng vị thế và phát triển Nhà trường; mở rộng công tác chuyển giao công nghệ để quảng bá hình ảnh Nhà trường. Phát triển được đội ngũ nhà khoa học có trình độ cao, hình thành môi trường học thuật, xây dựng các nhóm nghiên cứu đủ mạnh để triển khai các nhiệm vụ KH&CN có chất lượng. Chú trọng các hoạt động nghiên cứu phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa cho địa phương và cả nước.

## **III. MỤC TIÊU**

1. Tăng số lượng bài báo khoa học có chất lượng cao và trong danh mục tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế; mục tiêu của toàn giai đoạn công bố 800 bài báo trong nước, 100 bài báo quốc tế.

2. Số lượng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phê duyệt trung bình là 30 nhiệm vụ/năm. Tổng số hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cả giai đoạn là 150 nhiệm vụ cấp cơ sở và 15 nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp bộ, Nhà nước.

3. Thu từ hoạt động KH&CN giai đoạn 2021-2025 chiếm 6,5% tổng thu. Phát triển một số sản phẩm khoa học để sản xuất kinh doanh.

4. Tổ chức 04-05 Hội thảo quốc gia, quốc tế. Thực hiện 01-02 chương trình hoặc dự án hợp tác quốc tế.

5. Phát triển tiềm lực về con người, cơ sở vật chất cho hoạt động KH&CN: Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu, hình thành từ 1-2 nhóm nghiên cứu mạnh; đầu tư cơ sở vật chất có trọng điểm và chiến lược, từng bước hình thành phòng thí nghiệm chuyên sâu của Nhà trường.

6. Đẩy mạnh các hoạt động NCKH và khởi nghiệp của sinh viên nhằm khơi dậy tính sáng tạo, phong trào NCKH và tinh thần khởi nghiệp; Bên cạnh đó cũng có sự đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và phát huy được trí tuệ của sinh viên. Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH và khởi nghiệp các cấp.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, NHIỆM VỤ KH&CN**

##### **1. Định hướng theo các chương trình KH&CN cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tỉnh**

a) Bám sát các Văn bản, định hướng của Nhà nước, các Bộ Ngành và các Tỉnh cho giai đoạn tới để định hướng, đề xuất, triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp cho phù hợp với chiến lược của địa phương và quốc gia.

b) Dựa trên quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó cần bám sát một số định hướng chủ lực sau:

- Lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp: Ưu tiên các nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, xây dựng các mô hình chăn nuôi tập trung, sản xuất hàng hóa theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, nông nghiệp sạch; Đẩy mạnh phát triển các giống cây con đặc trưng, có lợi thế của tỉnh.

- Lĩnh vực công nghệ sinh học: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông, lâm nghiệp, xử lý tận dụng các phế phụ phẩm trong sản xuất nông lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, y dược và bảo vệ môi trường.

- Lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn: Tập trung nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, nhằm tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn lực và mô hình mới trong thực tiễn; Nghiên cứu kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động nhằm phát triển kinh tế, phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ bền vững.

- Lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ: Tập trung vào các chương trình đổi mới công nghệ và tự động hóa trong sản xuất; Chương trình vật liệu mới và năng lượng tái tạo; Chương trình công nghệ thông tin và truyền thông.

- Lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng: Phát triển nghiên cứu về công nghệ bào chế, sản xuất thuốc từ dược liệu, công nghệ sinh học để bảo vệ nguồn quỹ gen dược liệu quý hiếm của địa phương và tạo nguồn giống cây thuốc

với năng suất chất lượng cao phục vụ cho công tác sản xuất thuốc. Nghiên cứu bảo tồn, phát triển vùng cung cấp nguyên liệu dược liệu trên địa bàn tỉnh để phát triển Nam dược, sản xuất và bào chế thuốc tại các cơ sở y học cổ truyền.

## **2. Định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Hùng Vương**

- Nghiên cứu về khoa học giáo dục phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo của Trường và giải quyết các vấn đề đặt ra cho ngành giáo dục: Đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cập nhật sách giáo khoa, áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, giáo dục hướng nghiệp, tự chủ đại học ...

- Nghiên cứu về khoa học xã hội, văn hóa và nghệ thuật: Tập trung khai thác các chủ đề về văn hóa, nghệ thuật, du lịch, phục vụ cho quá trình đào tạo cũng như phát triển văn hóa, du lịch địa phương.

- Nghiên cứu theo hướng ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và khu vực: Tập trung nghiên cứu về lĩnh vực nông nghiệp lâm nghiệp, công nghệ thông tin, nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế để tham vấn các chính sách cho các cơ quan quản lý.

- Ưu tiên các nhiệm vụ có tính ứng dụng cao, có khả năng xây dựng các quy trình công nghệ, có khả năng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất hoặc có công bố quốc tế.

## **V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích hoạt động KH&CN**

- Điều chỉnh và ban hành quy định quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường cho phù hợp với tình hình mới.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng và tuyển chọn đối với các nhiệm vụ KH&CN. Tăng tỷ lệ nhiệm vụ có tính ứng dụng vào thực tiễn. Khuyến khích phát triển và thương mại hóa sản phẩm KH&CN gắn với quyền thực thi sở hữu trí tuệ.

- Có các chính sách khen thưởng, hỗ trợ cán bộ, giảng viên và người học (NCS, học viên cao học, sinh viên) nhằm nâng cao số lượng, chất lượng các nhiệm vụ NCKH và công bố các công trình khoa học. Ưu tiên hỗ trợ cho các cán bộ, giảng viên có năng lực cao về NCKH, từ đó sẽ giúp tăng các đề tài có chất lượng và tăng số lượng công bố khoa học uy tín.

### **2. Phát triển tiềm lực về đội ngũ NCKH**

#### **2.1. Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu**

- Thành lập các nhóm nghiên cứu ngành, phát triển các nhóm nghiên cứu hiện có để hướng tới các nhóm nghiên cứu chuyên sâu và các nhóm nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các nhà khoa học có trình độ, uy tín trong và ngoài trường tham gia vào các nhóm.

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng các tiêu chí: Triển khai các đề tài/dự án cấp Tỉnh/Bộ/Nhà nước, có các công bố khoa học trên các tạp chí uy tín

trong nước và quốc tế, tạo các sản phẩm có tính ứng dụng và có thể thương mại hóa, có khả năng chuyển giao kết quả nghiên cứu.

- Hỗ trợ hoạt động các nhóm nghiên cứu để tạo điều kiện cho các giảng viên trình độ cao trong nhóm đạt học hàm Phó Giáo sư, giúp các giảng viên trẻ tăng cường kỹ năng NCKH.

- Hàng năm, Nhà trường sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu.

## **2.2. Phát triển các kỹ năng NCKH và công bố khoa học cho giảng viên**

- Đẩy mạnh các hoạt động sinh hoạt chuyên môn đặc biệt là ở cấp Bộ môn và cấp Khoa (như seminar tại bộ môn/khoa, các hội nghị/hội thảo chuyên đề). Tăng cường tổ chức hội thảo khoa học cấp Trường, cấp Quốc gia và Quốc tế. Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các Hội nghị/Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội nghị hội thảo, giảng viên được trau dồi kiến thức chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm để hỗ trợ bồi dưỡng lẫn nhau, hình thành các ý tưởng NCKH.

- Phát triển các kỹ năng nghiên cứu của giảng viên thông qua các lớp đào tạo, tập huấn về phương pháp NCKH, phương pháp xử lý số liệu, kỹ năng viết và công bố bài báo khoa học v.v..

## **3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ NCKH**

- Đầu tư cơ sở vật chất có trọng điểm và chiến lược rõ ràng, lý do bởi nguồn kinh phí dành cho NCKH của Nhà trường chỉ có hạn trong khi là một trường đào tạo đa ngành. Cần ưu tiên đầu tư các trang thiết bị có thể dùng chung, thiết yếu và sử dụng lâu dài cho nghiên cứu, xác định rõ trang thiết bị cái nào cần có trước, cái nào có thể đầu tư sau, và ưu tiên tập trung cho nhóm ngành có thế mạnh về đội ngũ nghiên cứu, có tiềm năng để đầu tư các nhiệm vụ khoa học.

- Tận dụng các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ NCKH, từng bước hình thành phòng thí nghiệm chuyên sâu của Nhà trường. Tranh thủ ngân sách từ các đề tài/dự án cấp Tỉnh/Bộ/Nhà nước để phát triển cơ sở vật chất. Các nhiệm vụ cấp Cơ sở nếu cần trang thiết bị cũng nên có định hướng đề xuất và đầu tư theo chiến lược của Nhà trường. Các nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu tích cực đề xuất các nhiệm vụ và vận động tài trợ cho nghiên cứu từ các doanh nghiệp, tổ chức, hoặc đề tài/dự án cấp Tỉnh/Bộ/Nhà nước và nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

## **4. Đẩy mạnh công tác thông tin KH&CN**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN của Trường Đại học Hùng Vương và công khai thông tin cho doanh nghiệp và cộng đồng.

- Xây dựng và cung cấp cơ sở dữ liệu thông tin về nhu cầu sản phẩm, các vấn đề cần giải quyết của các địa phương và doanh nghiệp, từ đó phục vụ cho mục tiêu xác định nhiệm vụ nghiên cứu đối với các nhà khoa học của Trường.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Nhà trường, đặc biệt là thông tin về KH&CN (dữ liệu bài báo khoa học trong nước và quốc tế, kết

quả đề tài NCKH, luận văn, luận án, cơ sở dữ liệu các Nhà xuất bản...). Nâng cao chất lượng Tạp chí KH&CN của Trường.

#### **5. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Khoa, Viện nghiên cứu**

- Các Khoa chủ động và chịu trách nhiệm về triển khai các hoạt động theo các mục tiêu và kế hoạch đã xây dựng. Giao tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu, định hướng phát triển khoa học của đơn vị mình dựa trên các chiến lược và kế hoạch hoạt động KH&CN chung của Nhà trường. Mục tiêu, kế hoạch hoạt động của các Khoa được cụ thể hóa bằng số lượng các đề tài/dự án thực hiện, số lượng hội nghị/hội thảo tổ chức hàng năm, số người tham gia hội nghị/hội thảo, số lượng bài báo khoa học công bố, số lượng đề tài NCKH và ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên.

- Viện Nghiên cứu Ứng dụng và Phát triển: Từng bước có lộ trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Có tinh thần chủ động trong việc đề xuất, đấu thầu và triển khai các nhiệm vụ KH&CN, mở rộng hợp tác trong các hoạt động KH&CN, xây dựng và thực hiện 01-02 chương trình hoặc dự án hợp tác quốc tế. Hướng đến mục tiêu trở thành tổ chức KH&CN mạnh trong Nhà trường, là động lực chính trong phát triển KH&CN của Nhà trường.

#### **6. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về NCKH**

- Tăng cường và mở rộng mô hình hợp tác giữa Nhà trường - Doanh nghiệp - Nhà quản lý, liên kết với các chuyên gia và ngoài nước. Chú trọng các đối tác đã có nhiều năm hợp tác với Nhà trường để triển khai các hoạt động NCKH. Duy trì tốt mối quan hệ với các Bộ Ngành Trung ương và địa phương trong triển khai các hoạt động KH&CN. Nhà trường cần đẩy mạnh các mối quan hệ và đề nghị các Bộ, ngành và địa phương quan tâm, hỗ trợ và đặt hàng nhiệm vụ để Nhà trường thực hiện thành công kế hoạch đề ra.

- Xây dựng các chương trình hợp tác về KH&CN với các đối tác nước ngoài. Tạo cơ chế thuận lợi và khuyến khích các cán bộ, giảng viên kết nối với các đồng nghiệp và đối tác ngoài trường để triển khai các hoạt động KH&CN.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ kế hoạch này Phòng Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức triển khai, đôn đốc, theo dõi và quản lý hoạt động KH&CN trong toàn trường theo kế hoạch; Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị thuộc Trường căn cứ kế hoạch này để xây dựng dự toán, kế hoạch thực hiện cụ thể và có báo kết quả thực hiện theo từng năm.

2. Các Khoa chuyên môn, Viện NCUD&PT, các nhóm nghiên cứu và các đơn vị thuộc Trường có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm và năm học của đơn vị mình theo kế hoạch trên của Nhà trường; Chủ động phối hợp với Phòng Khoa học và Công nghệ và các phòng chức năng có liên quan quản lý chất lượng hoạt động KH&CN; Chủ động phối hợp với

các cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN, cơ quan, doanh nghiệp, dịch vụ trong việc tổ chức triển khai các hoạt động KH&CN nhằm gắn đào tạo, NCKH với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn lực cho Nhà trường. Kết thúc các năm và cuối năm học có đánh giá kết quả và kiến nghị kịp thời đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Phòng Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

*Nơi nhận:*

- HT, các PHT; CTHĐT;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KHCN. *h*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Công Kiên**